

Bản án số: 888/2023/HS-PT
Ngày: 23 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán:

Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 537/2023/TLPT- HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thành L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, của đại diện hợp pháp cho bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

*** Các bị cáo:**

1. Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/4/2004; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Minh T1; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

2. Lê Thanh T2, sinh ngày 26/3/2003; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn A và bà Phạm Thị Kim L1; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/03/2020 bị Công an huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, mức phạt tiền 1.250.000 đồng theo Quyết định xử phạt hành chính số 2344, bị cáo đã chấp hành vào ngày 07/5/2020; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/7/2022, hiện đang bị tạm

giám tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

3. Nguyễn Tấn B (tên gọi khác: B bò), sinh ngày 08/3/2002; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn T3 và bà Ngô Thị Kim L2;

Tiền án: Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 66/2020/HS-ST ngày 21/8/2020, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2021, tính đến ngày phạm tội vẫn chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. Bùi Thanh Đ, sinh ngày 29/5/2006; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Ngô Thị T4; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 03/10/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố bị can Bùi Thanh Đ về tội “Cố ý gây thương tích” xảy ra ngày 10/7/2022. Tại Bản án số 20/2023/HS-ST ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với Bùi Thanh Đ;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. Trương Trần Quang Đ1, sinh ngày 04/6/2005; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang Đ2 và bà Trần Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/10/2022 Công an huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0026978/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng hung khí nguy hiểm, nhiều người đánh một người”, phạt tiền 3.250.000đồng đối với Trương Trần Quang Đ1;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

6. Đỗ Thái Anh D, sinh ngày 30/4/2004; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Bùi Thị Kim T5; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

7. Nguyễn Vũ Đ3, sinh ngày 02/9/2005; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình

độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T6 và bà Phạm Thị S1; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

8. Đỗ Minh T7, sinh ngày 12/6/2005; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Minh L3 và bà Phạm Thị H1; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Đỗ Minh T7 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” xảy ra ngày 10/7/2022. Tại Bản án số 20/2023/HS-ST ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với Đỗ Minh T7;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

9. Nguyễn Văn H2, sinh ngày 30/6/2004; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị Thu B1; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2022 bị Công an huyện T khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”, bị hại rút yêu cầu nên vụ án được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đình chỉ theo Quyết định số 03/2022/HSST-QĐ ngày 09/6/2022.

- Năm 2022 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 129/2022/HSST ngày 31/8/2022.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam S2 (vắng mặt)

10. Nguyễn Ngô Minh T8, sinh ngày 25/11/2004; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T9 và bà Ngô Thị L4; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

11. Lang Văn T10, sinh ngày 04/5/2005; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lang Văn T11 và bà Nguyễn Thị Q; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

12. Nguyễn Văn T12, sinh ngày 01/3/2006; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Võ Thị Nguyệt N1; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/10/2022 Công an huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0026979/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng hung khí nguy hiểm, nhiều người đánh một người”, phạt tiền 3.250.000đồng đối với Nguyễn Văn T12;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

13. Phạm Văn Q1, sinh ngày 17/4/2005; nơi sinh tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đ4 và bà Lê Thị Mai H3; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

*** Người bào chữa:**

1. Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Lê Thanh T2 và Nguyễn Thành L: Ông Vũ Hồ T13, là Luật sư của Văn phòng Luật sư C&C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; (có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa).

2. Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Bùi Thanh Đ: Ông Nguyễn Trường D2, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; (có mặt)

3. Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Trương Trần Quang Đ1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Vũ Đ3, Nguyễn Văn T12: Bà Hồ Thị N2, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; (có mặt)

4. Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Đỗ Minh T7, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10: Bà Nguyễn Thị Tuyết N3, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; (có mặt)

*** Đại diện hợp pháp của các bị cáo:**

1. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1979 và bà Ngô Thị T4, sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; là người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Thanh Đ (ông S vắng mặt, bà T4 có mặt).

2. Ông Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị S1, sinh năm 1969; cùng nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; là người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Vũ Đ3 (ông T6 vắng mặt, bà S1 có mặt).

3. Bà Võ Thị Nguyệt N1, sinh năm 1979; cùng nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; là người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T12, có mặt.

* **Bị hại:** Võ Tấn L5, sinh ngày 15/01/2005 (đã chết).

* **Đại diện hợp pháp của bị hại:** Ông Võ Tấn H4, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị T14, sinh năm 1976; cùng nơi cư trú: Xóm A, thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (ông H4 vắng mặt, bà T14 có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1979 và bà Lê Thị Minh T1, sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cha, mẹ bị cáo Nguyễn Thành L); (vắng mặt)

2. Ông Lê Văn A, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Kim L1, sinh năm 1968; cùng nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cha, mẹ bị cáo Lê Thanh T2); (vắng mặt)

* **Vụ án còn có 24 bị cáo khác, đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 năm về trước, trên địa bàn xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận có hình thành hai nhóm thanh thiếu niên, một nhóm lấy tên là Giếng H5 và nhóm còn lại lấy tên Hòa Đ5. Hai nhóm thanh thiếu niên thường tụ tập ăn nhậu và đánh nhau, từ đó xảy ra mâu thuẫn giữa hai nhóm. Ngày 05/7/2022, Võ Văn C1 của nhóm Hòa Đ5 nhắn tin cho Trần Biên C2 của nhóm Giếng H5 để hẹn đánh nhau, nhưng lúc đó C2 đi biển nên không trả lời tin nhắn. Đến tối ngày 12/7/2022, Trần Văn V (bên nhóm Giếng Học) tổ chức sinh nhật tại S, Giếng Học gần khu vực biển thuộc xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận cùng với một số người bạn, trong đó có: Trần Văn T15, Đinh Nguyễn Anh T16, Lê Thanh L6, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thanh L7, Trần Thanh Q2, Nguyễn N4, Mai Thanh Đ6, Ngô Văn Đ7, Đỗ Chí L8, Nguyễn Hữu P, Lê Thanh T17, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H6, Lê Thanh T2, Nguyễn Thành V1, Nguyễn Trọng N5, Nguyễn Thanh L9, Trần Biên C2. Tất cả ngồi uống bia và hát loa kéo kéo vui chơi. Đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, Trần Biên C2 nhớ lại tin nhắn hẹn đánh nhau của C1, C2 nhắn tin lại cho C1 hẹn thời gian 21 giờ 45 đến khu vực S ô gà gần dốc nhà bà M1 ở đường L với H thuộc xã C để đánh nhau, C1 đồng ý và thông báo cho nhóm mình biết để tập trung lại và chuẩn bị hung khí là dao phông lợn, chĩa 03 chấu, đá, vỏ chai thủy tinh... Trong lúc này, C2 cũng thông báo việc hẹn đánh nhau với nhóm Hòa Đ5 cho nhóm mình biết. Nguyễn

Hữu P, Nguyễn Văn K, Lê Thanh T17 đến khu vực nhà hoang gần bờ biển (đây là nơi nhóm thanh niên Giếng Học cất giấu hung khí để đánh nhau với nhóm Hòa Đ5) lấy các loại hung khí tự tạo gồm dao, dao phóng lộn, chĩa 03 chấu, tất cả đều làm bằng kim loại mang đến chỗ tổ chức sinh nhật để chuẩn bị đánh nhau với nhóm Hòa Đ5. Do lúc này chưa đến giờ hẹn đánh nhau nên cả nhóm tiếp tục ngồi nhậu tại đây.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm Hòa Đồng gồm có: (1) Đặng Văn B2 cầm đá; (2) Cao Văn H7 cầm hung khí giống dao tự tạo; (3) Đỗ Hoàng Đ8 cầm vỏ chai thủy tinh; (4) Nguyễn Tấn B cầm chĩa 03 chấu; (5) Nguyễn Văn T12 cầm dao phóng lộn; (6) Nguyễn Văn T18 dùng vỏ chai thủy tinh, đá; (7) Đỗ Minh T7 cầm đá và vỏ chai thủy tinh; (8) Đỗ Thái Anh D cầm đá, (9) Lang Văn T10 cầm cây chĩa ba chấu, đá; (10) Phạm Văn Q1 cầm đá; (11) Trương Trần Quang Đ1 cầm đá; (12) Nguyễn Đình Quốc T19 cầm gạch, đá; (13) Nguyễn Ngô Minh T8 cầm gạch, đá; (14) Bùi Thanh Đ cầm dao phóng lộn; (15) Nguyễn Vũ Đ3 cầm vỏ chai thủy tinh, đá; (16) Nguyễn Văn H2 cầm cây chĩa ba chấu, đá, vỏ chai thủy tinh; Võ Tấn L5 cầm chĩa 03 chấu; Võ Văn C1 cầm đá; Nguyễn Văn H8 cầm dao phóng lộn; Trương Văn T20 cầm dao phóng lộn; Trương Văn H9 cầm đá; Nguyễn Văn T21 cầm đá; Nguyễn Thanh T22 cầm đá, vỏ chai bia; Nguyễn Văn N6 cầm cây chĩa hai chấu; Phạm Xuân K1 cầm cây chĩa ba chấu; Lê Văn T23 cầm cây chĩa ba chấu; Trương Văn T24 cầm cây tre thường gọi cây sào; Nguyễn Thanh P1 cầm cây tre thường gọi cây sào; Lê Minh T25 nhặt vỏ chai thủy tinh, đá; Bùi Thanh Quốc K2 cầm đá. Khi nhóm Hòa Đ5 đi đến điểm hẹn nhưng chưa thấy nhóm của C2, C1 nhắn tin báo cho C2 biết đã đến.

Về phía nhóm của C2 tất cả có 21 người chuẩn bị hung khí gồm: (1) Nguyễn Trọng N5 cầm cây chĩa ba chấu; (2) Lê Thanh T17 cầm dao phóng lộn và vỏ chai thủy tinh; (3) Nguyễn Hữu P cầm đá; (4) Nguyễn Văn K cầm vỏ chai thủy tinh; (5) Lê Thanh L6 cầm cây chĩa ba chấu; (6) Trần Biên C2 cầm dao phóng lộn; (7) Nguyễn Thanh L9 cầm vỏ chai thủy tinh; (8) Trần Văn V cầm vỏ chai thủy tinh; (9) Nguyễn Văn M cầm vỏ chai thủy tinh; (10) Nguyễn Văn H6 cầm dao phóng lộn; (11) Mai Thanh Đ6 cầm dao phóng lộn và vỏ chai thủy tinh; (12) Lê Thanh T2 cầm dao tự tạo; (13) Đinh Nguyễn Anh T16 cầm vỏ chai thủy tinh; (14) Trần Văn T15 cầm đá; (15) Đỗ Chí L8 cầm dao tự tạo; (16) Nguyễn Thành V1 cầm dao tự tạo; (17) Trần Thanh Q2 cầm dao tự tạo; (18) Ngô Văn Đ7 cầm vỏ chai thủy tinh; (19) Nguyễn Thanh L7 cầm vỏ chai thủy tinh bên trong có xăng, thường gọi là bom xăng; (20) Nguyễn N4 cầm dao phóng lộn; (21) Nguyễn Thành L cầm dao phóng lộn đi đến điểm hẹn để đánh nhau. Khi hai nhóm gặp nhau thì cùng cầm hung khí xông vào rượt đuổi, dùng đá, vỏ chai, bom xăng ném qua lại, la ó ồn ào làm náo loạn cả khu vực, các nhà dân xung quanh sợ nên đóng cửa ở trong nhà.

Trong lúc hai bên đánh nhau Võ Tấn L5 (nhóm H) cầm chĩa ba chấu xông vào đánh nhau với Nguyễn Trọng N5 (nhóm Giếng H5), lúc này N5 cũng dùng chĩa ba chấu đưa lên đâm vào người L5 nhưng không trúng, L5 quay lưng chạy

thì bị trượt chân té lom khom người, N5 cầm chĩa bằng hai tay đâm thêm nhát thứ hai khiến hai mũi chĩa đâm trúng vào phần lưng của L5. N5 tiếp tục đâm nhát thứ ba trúng vào cẳng chân trái của L5, L5 đứng dậy bỏ chạy, N5 tiếp tục đâm một nhát nữa nhưng không trúng, L5 chạy thoát và được người dân đưa đi cấp cứu nhưng sau đó tử vong. Khi L5 được đưa đi cấp cứu, hai nhóm vẫn tiếp tục đánh nhau khoảng 05 – 10 phút nữa thì lực lượng Công an đến, hai bên giải tán.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án ngày 13/7/2022 của Cơ quan điều tra xác định: Hiện trường xảy ra trên đường bê tông xi măng liên thôn giữa thôn H với thôn H, chạy theo hướng Đông – T. Hai bên đường người dân sinh sống đông đúc, có các hướng tiếp giáp như sau:

- Hướng Bắc là dãy nhà dân thuộc thôn H.
- Hướng Nam là dãy nhà dân thuộc thôn H.
- Chọn vị trí nhà nhóm trẻ tư thục X thuộc thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận làm điểm cố định để tiến hành khám nghiệm.

Tại hiện trường, trên nền đường bê tông xi măng phát hiện 01 (một) vật kim loại màu trắng được hàn nối nhau bằng 03 đoạn kim loại, 01 đoạn nằm ngang hình trụ tròn dài 07 cm, 02 đoạn kim loại được hàn vào đoạn nằm ngang cách nhau 6,5cm, nhọn 01 đầu có chiều dài lần lượt là 28cm và 37 cm, cả 03 đoạn có đường kính 0,4cm, ký hiệu vị trí số 1. Vị trí số 1, nằm cách mép đường hướng Nam 0,2cm và nằm cách góc phải nhóm trẻ tư thục Xuân Tiến 2,5cm về hướng Đông.

Từ vị trí số 1 đo về hướng Tây 08 mét trên mặt đường bê tông phát hiện vùng vết màu nâu đỏ dạng bột, nhỏ giọt, in hình vân dép nằm rải rác không đều không liên tục kéo dài 42m về hướng Tây, kích thước (42 x 1,3)cm, ký hiệu vị trí số 2.

Từ đầu vị trí số 2 đo về hướng Tây 10 mét, trên mặt đường bê tông phát hiện 01 chiếc dép nhựa màu hồng của bàn chân trái nằm cách mép đường hướng Nam 2,7 mét, chiếc dép có kích thước (25 x 8)cm, trên vai dép có 03 sọc đứng màu đen, có hiệu “Fashion”, vị trí số 3.

Từ vị trí số 3 đo hướng Tây, vuông góc 105,5 mét phát hiện 02 chiếc dép màu đen cùng loại có kích thước (26 x 10)cm nằm cạnh góc trái nhà số E thôn H, xã C 6,2 mét về hướng Đ, trên dép có dòng chữ “Chang FA” ký hiệu, vị trí số 4.

Từ vị trí số 4 đo về hướng Nam 04 mét trên nền đất cát có lẫn sỏi phát hiện vùng vết màu nâu đỏ rải rác kích thước thước (60 x 5)cm nằm cách góc trái nhà số E thôn H là 06 mét về hướng Đông, vị trí 5.

Quá trình khám nghiệm thu giữ: Vật bằng kim loại màu trắng ở vị trí số 1, 01 chiếc dép chân trái ở vị trí số 3, 02 chiếc dép ở vị trí số 4.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 164/2022/TT ngày 25/8/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B tiến hành giám định đối với Võ Tấn L5 kết luận:

- Vết thương vùng lưng phải thấu ngực, xuyên thủng mặt sau thùy dưới phổi phải, xuyên thấu lên mặt trước thùy giữa phổi phải, xuyên thủng khe liên sườn cung trước xương sườn số 6,7 ngực phải; bầm dập, tụ máu tổ chức dưới da, cơ vùng ngực phải (sưng nề vùng ngực phải) do vật sắc nhọn gây ra theo chiều hướng từ sau ra trước với lực tác động rất mạnh. Vết thương này gây tử vong cho nạn nhân.

- Vết thương vùng lưng trái thấu ngực, rách màng phổi thùy dưới phổi trái do vật sắc nhọn gây ra theo chiều hướng từ sau ra trước với lực tác động rất mạnh.

- 02 vết thương cẳng chân trái do vật sắc nhọn gây ra với lực tác động trung bình, chiều hướng vết thương phụ thuộc vào tư thế chân trái của nạn nhân với vật gây thương.

- Sây sát da vùng trán do vật tày gây ra theo chiều hướng từ trước ra sau với lực tác động nhẹ.

Nguyên nhân chết: Vết thương vùng lưng phải thấu ngực, thủng mặt sau thùy dưới phổi phải, thủng thùy giữa phổi phải làm máu chảy nhiều vào khoang ngực phải gây suy hô hấp cấp, suy tuần hoàn dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định số 5101/KL-KTHS ngày 10/10/2022 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C3, tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận như sau: Trên 03 đầu nhọn và phần thân thanh kim loại có dính máu người. Phân tích gen (ADN) từ các dấu vết máu này được các kiểu gen không hoàn chỉnh, không truy nguyên được cá thể từ kết quả phân tích này.

Về phần dân sự:

Đại diện gia đình bị hại Võ Tấn L5 là bà Phạm Thị T14 (mẹ ruột Võ Tấn L5) yêu cầu 21 bị cáo và gia đình bị cáo phải bồi thường các khoản: Chi phí đám tang và đồ mai táng 18.500.000đồng, chi phí xây mồ mả 32.000.000đồng, chi phí phục vụ đám tang 39.000.000đồng, tổn thất về mặt tinh thần 150.000.000đồng, tiền cúng kính cho đến khi mãn tang là 120.000.000 đồng. Bà T14 làm tròn tổng số tiền yêu cầu là 359.000.000đồng.

Bà Phạm Thị T14 chia số tiền này thành 21 phần bằng nhau, mỗi phần là 17.150.000 đồng (mười bảy triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), để từng gia đình bị cáo có trách nhiệm khắc phục cho gia đình bị hại theo số tiền đã được chia.

Đến nay, bà Phạm Thị T14 đã nhận được khoản khắc phục từ 21 gia đình bị cáo, với tổng số tiền 316.200.000 đồng. Trong đó có 18 gia đình bị cáo đã khắc phục đầy đủ số tiền 17.150.000 đồng gồm có: Nguyễn Trọng N5, Trần Thanh

Q2, Nguyễn Thành L, Lê Thanh T2, Đỗ Chí L8, Lê Thanh T17, Lê Thanh L6, Trần Biên C2, Nguyễn Thanh L7, Mai Thanh Đ6, Nguyễn N4, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành V1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thanh L9, Ngô Văn Đ7, Nguyễn Hữu P.

03 gia đình đã khắc phục hậu quả một phần, gồm có: Gia đình bị cáo Trần Văn T15 5.000.000đồng; gia đình bị cáo Trần Văn V 1.000.000đồng; gia đình bị cáo Đinh Nguyễn Anh T16 1.500.000đồng. Bà T14 yêu cầu những gia đình chưa khắc phục đầy đủ theo thoả thuận phải tiếp tục bồi thường cho bà tổng số tiền là 43.950.000đồng.

* Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSBT-P2 ngày 27/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng N5, Nguyễn Thanh L7, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành V1, Trần Văn V, Lê Thanh L6, Đinh Nguyễn Anh T16, Nguyễn Văn K, Nguyễn N4, Trần Văn T15, Nguyễn Thanh L9, Đỗ Chí L8, Lê Thanh T2, Ngô Văn Đ7, Lê Thanh T17, Trần Thanh Q2, Mai Thanh Đ6, Trần Biên C2, Nguyễn Hữu P về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự;

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn B, Bùi Thanh Đ, Đặng Văn B2, Trương Trần Quang Đ1, Nguyễn Đình Quốc T19, Đỗ Thái Anh D, Nguyễn Vũ Đ3, Đỗ Minh T7, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10, Nguyễn Văn T18, Nguyễn Văn T12, Phạm Văn Q1, Cao Văn H7, Đỗ Hoàng Đ8 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, quyết định:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Lê Thanh T2 cùng phạm tội “Giết người”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tấn B, Bùi Thanh Đ, Trương Trần Quang Đ1, Đỗ Thái Anh D, Nguyễn Vũ Đ3, Đỗ Minh T7, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10, Nguyễn Văn T12, Phạm Văn Q1 cùng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

1. Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2022.

2. Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T2 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2022.

3. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

4. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

5. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trương Trần Quang Đ1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

6. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thái Anh D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

7. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ Đ3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

8. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh T7 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

9. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H2 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 129/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy

Phong, buộc bị cáo Nguyễn Văn H2 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành hình phạt tại Bản án số 129/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

10. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngô Minh T8 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

11. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lang Văn T10 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

12. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T12 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

13. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Nguyễn Trọng N5, Nguyễn Thanh L7, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Thành V1, Trần Văn V, Lê Thanh L6, Đinh Nguyễn Anh T16, Nguyễn Văn K, Nguyễn N4, Trần Văn T15, Nguyễn Thanh L9, Đỗ Chí L8, Ngô Văn Đ7, Lê Thanh T17, Trần Thanh Q2, Mai Thanh Đ6, Trần Biên C2, Nguyễn Hữu P cùng phạm tội “Giết người”. Xử phạt các bị cáo Đặng Văn B2, Nguyễn Đình Quốc T19, Nguyễn Văn T18, Cao Văn H7, Đỗ Hoàng Đ8 cùng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Tấn B, Nguyễn Văn H2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

- Các bị cáo Bùi Thanh Đ, Trương Trần Quang Đ1, Đỗ Thái Anh D, Đỗ Minh T7, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10, Nguyễn Văn T12, Phạm Văn Q1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Bà Phạm Thị S1 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Vũ Đ3 kháng cáo đề nghị sửa án, giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt 12 tháng tù và cho hưởng án treo.

- Bà Ngô Thị T4 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Thanh Đ có kháng cáo đề nghị sửa án, giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt 18 tháng tù và cho hưởng án treo.

- Bà Phạm Thị T14 là đại diện hợp pháp cho bị hại có kháng cáo đề nghị sửa bản án do mức án của các bị cáo Nguyễn Thành L, Lê Thanh T2 quá nặng, đề nghị giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm về việc kháng cáo cũng như việc giải quyết vụ án như sau:

Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc 2 bị cáo L, T2 tham gia với vai trò đồng phạm. Các bị cáo phạm tội mang tính “côn đồ”, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp và đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với 2 bị cáo này.

Đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, do tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên mức hình phạt tù giam là có căn cứ, thỏa đáng và cần thiết.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, của người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố công khai Bản luận cứ bảo vệ cho 02 bị cáo Nguyễn Thành L và Lê Thanh T2 như sau:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo phạm tội mang “*tính côn đồ*” là chưa thuyết phục. Bởi vì, trong trường hợp này phía bị hại trong nhóm Hòa Đồng có lỗi chủ động hẹn trước qua tin nhắn gửi cho Trần Biên C2 của nhóm Giếng H5. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo T2 và L.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo; việc sử dụng hung khí chỉ mang tính hù dọa, thị uy... Từ đó đề nghị

xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh Đ phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên có hạn chế về nhận thức. Bị cáo chỉ là người giúp sức, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

* Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đ1, Q1, Đ3, T14 có quan điểm như sau: Đối với người chưa thành niên phạm tội là người có hạn chế về nhận thức, hoàn cảnh gia đình nghèo; chưa đủ tuổi nhưng vẫn phải làm nghề đi biển. Việc phạm tội cũng có một phần lỗi từ gia đình trong việc nuôi dạy con và môi trường xã hội.

Từ đó cho thấy, các bị cáo này đủ điều kiện được hưởng án treo theo luật định, đề nghị cho 04 bị cáo này được hưởng án treo.

* Luật sư bào chữa cho các bị cáo T7, T8, T10 phát biểu quan điểm như sau:

Xét về mức độ 03 bị cáo này chỉ có vai trò thứ yếu, không có sự chuẩn bị hung khí để đánh nhau.

Các bị cáo chỉ là người lao động nghề biển, có nhận thức rất thấp, thiếu sự giáo dục từ gia đình và môi trường sống không lành mạnh. Hành vi của các bị cáo chỉ là bột phát, nhất thời.

Từ đó, kính mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về các yêu cầu kháng cáo như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ 2, bị cáo Nguyễn Văn H2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Theo bản án sơ thẩm đã xác định: Do có mâu thuẫn với nhau từ trước giữa nhóm Giếng H5 và nhóm H10 trên địa bàn xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên hai bên nấn tin thách thức gặp đánh nhau. Khoảng 21 giờ 30 ngày 12/7/2022, tại khu vực Súng ỏ gà gần dốc nhà bà M1 ở đường L với H thuộc xã C, nhóm G gồm có các bị cáo Nguyễn Trọng N5, Nguyễn Thanh L7, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành V1, Trần Văn V, Lê Thanh L6, Đinh Nguyễn Anh T16, Nguyễn Văn K, Nguyễn N4, Trần Văn T15, Nguyễn Thanh L9, Đỗ Chí L8, Lê Thanh T2, Ngô Văn Đ7, Lê Thanh

T17, Trần Thanh Q2, Mai Thanh Đ6, Trần Biên C2, Nguyễn Hữu P dùng hung khí là chĩa ba châu, dao phóng lợn, vỏ chai thủy tinh rỗng, vỏ chai thủy tinh chứa xăng, gạch, đá, dao tự tạo; Nhóm Hòa Đồng gồm bị hại Võ Tấn L5, các bị cáo Nguyễn Tấn B, Bùi Thanh Đ, Đặng Văn B2, Trương Trần Quang Đ1, Nguyễn Đình Quốc T19, Đỗ Thái Anh D, Nguyễn Vũ Đ3, Đỗ Minh T7, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10, Nguyễn Văn T18, Nguyễn Văn T12, Phạm Văn Q1, Cao Văn H7, Đỗ Hoàng Đ8 cũng dùng hung khí là dao phóng lợn, chĩa 03 châu, đá, vỏ chai thủy tinh. Cả 02 nhóm sử dụng hung khí nguy hiểm xông vào rượt đuổi, la hét, đánh nhau, dùng gạch, đá, vỏ chai thủy tinh ném vào nhau. Trong lúc hai bên đánh nhau thì Võ Tấn L5 (nhóm H) cầm chĩa ba châu xông vào đánh nhau với Nguyễn Trọng N5 (nhóm Giếng H5) thì bị Nguyễn Trọng N5 cũng cầm chĩa ba châu đâm vào phần lưng và cẳng chân làm Võ Tấn L5 tử vong.

[3] Có thể nói trong vụ án này, hậu quả xảy ra là đặc biệt nghiêm trọng, đã tước đi sinh mạng của người bị hại là anh Võ Tấn L5. Các bị cáo trong hai nhóm gồm nhóm Hòa Đ5 và nhóm Giếng H5 đều có tuổi đời còn rất trẻ, trong đó có nhiều bị cáo thời điểm phạm tội là người chưa thành niên, tuy nhiên đã tụ tập và kết nối mang tính băng nhóm, tàng trữ và chuẩn bị nhiều loại hung khí tự chế có tính sát thương cao, cất giữ để sẵn sàng sử dụng khi có nhu cầu.

Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo trong hai nhóm đã hện nhau để giải quyết mâu thuẫn. Quá trình gặp và giải quyết mâu thuẫn, các bị cáo trong hai nhóm đã dùng các loại hung khí tự chế rượt đuổi, đâm chém và la hét làm náo loạn nơi công cộng, gây hoang mang, lo sợ và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự bình an trong cộng đồng, cũng như trật tự xã hội tại địa phương... Điều này đã thể hiện tính côn đồ, hung hãn, manh động và coi thường kỷ cương, coi thường pháp luật của tất cả các bị cáo trong vụ án. Cái chết của người bị hại Võ Tấn L5 đã gây đau thương, mất mát lớn cho thân nhân người bị hại, gây bất bình trong quần chúng, vì vậy việc cần phải xét xử các bị cáo trong hai nhóm hành vi “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng” một mức án nghiêm là hoàn toàn cần thiết, nhằm trừng trị riêng, răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện các tình tiết giảm nhẹ cho tất cả các bị cáo theo luật định, đặc biệt đã xem xét và áp dụng nguyên tắc quyết định hình phạt đối với người phạm tội là người chưa thành niên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo chưa thành niên và người đại diện hợp pháp cho người bị hại kháng cáo, nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới để chứng minh. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo phạm tội “Giết người”, cũng như cho hưởng án treo đối với các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù

hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Quan điểm của các Luật sư bào chữa theo đó là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Tấn B, Nguyễn Văn H2 về việc xin giảm nhẹ hình phạt tù.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Bùi Thanh Đ, Trương Trần Quang Đ1, Đỗ Thái Anh D, Đỗ Minh T7, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10, Nguyễn Văn T12, Phạm Văn Q1 về việc kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị S1 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Vũ Đ3 về việc đề nghị sửa án, giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt 12 tháng tù và cho hưởng án treo.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị T4 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Thanh Đ về việc đề nghị sửa bản án, giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt 18 tháng tù và cho hưởng án treo.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T14 là đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo đề nghị đề nghị giảm nhẹ cho các bị cáo Nguyễn Thành L, Lê Thanh T2.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Lê Thanh T2 cùng phạm tội “Giết người”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2022.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T2 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2022.

- Tiếp tục giam giữ các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn B, Bùi Thanh Đ, Trương Trần Quang Đ1, Đỗ Thái Anh D, Nguyễn Vũ Đ3, Đỗ Minh T7, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10, Nguyễn Văn T12 và Phạm Văn Q1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trương Trần Quang Đ1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thái Anh D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ Đ3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh T7 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H2 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

tại Bản án số 129/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, buộc bị cáo Nguyễn Văn H2 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành hình phạt tại Bản án số 129/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngô Minh T8 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lang Văn T10 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T12 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

[3] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Tấn B, Nguyễn Văn H2, Bùi Thanh Đ, Trương Trần Quang Đ1, Đỗ Thái Anh D, Đỗ Minh T7, Nguyễn Ngô Minh T8, Lang Văn T10, Nguyễn Văn T12, Phạm Văn Q1, bà Phạm Thị S1 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Vũ Đ3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Công an tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam tỉnh Bình Thuận;
- Trại tạm giam tỉnh Bình Thuận;
(Tổng đạt cho bị cáo)
- Đại diện bị hại;
- Đại diện bị cáo;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 48bTNB.

Phạm Công Mười